

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN B  
THÀNH PHỐ H**

\*\*\*\*\*

Số: 277/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

B, ngày 23 tháng 06 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm: 1992. HKTT và ở tại: số 18 ngõ 21 tập thể L, phường M, quận H, thành phố H.

- Bị đơn: Anh **Trần Anh D**, sinh năm 1992. HKTT: số 42 phố K, quận B, thành phố H. Hiện ở tại: số 18 ngách 8/40 ngõ 294 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 4 điều 147; điều 212; điều 213 và điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51,54; 55; 57; 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**XÉT THẤY:**

Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 03 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố H (Giấy công nhận kết hôn số 30), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I - Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Anh D.

**II- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Ngô Minh T, sinh ngày: 07/08/2017.

Ghi nhận sự thoả thuận của anh chị thống nhất để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngô Minh T từ tháng 06/2020; anh D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. **Về tài sản chung, nhà đất ở:** chị T và anh D xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. **Về vay nợ :** chị T và anh D xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Nợ riêng của ai thì người đó tự trả, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** chị Nguyễn Thị Minh Tr tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng; chị T tự nguyện sung quỹ nhà nước số tiền 150.000 đồng còn lại theo biên lai thu số 0024200 ngày 07/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

**III- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố H;
- VKSND Quận B ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hoài Phương**